**QUY TRÌNH 20**

**Cấp lại giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa,**

**các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8)**

**bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1289 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2020*

*của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

**I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên hồ sơ** | **Số lượng** | **Ghi chú** |
| 01 | Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm (theo mẫu) | 01 | Bản chính |
| 02 | Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm bị hư hỏng đối với trường hợp Giấy phép vận chuyển bị hư hỏng (nếu có) | 01 | Bản chính |

**II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nơi tiếp nhận và trả kết quả** | **Thời gian xử lý** | **Lệ phí** |
| Bộ phận Một cửa – Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, địa chỉ: 263 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3 | 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Không |

**III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC**

| **Bước công việc** | **Nội dung công việc** | **Trách nhiệm** | **Thời gian** | **Hồ sơ/Biểu mẫu** | **Diễn giải** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| B1 | **Nộp hồ sơ** | Tổ chức, cá nhân | Giờ hành chính | Theo mục I | Thành phần hồ sơ theo mục I |
| **Kiểm tra hồ sơ** | Bộ phận Một cửa | * BM 01 * BM 02 * BM 03 | Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2.  - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo BM 02 và ghi rõ lý do.  - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03. |
| B2 | **Tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn** | Bộ phận một cửa | 0,25 ngày làm việc | Theo mục I   * BM 01 | Công chức Bộ phận Một cửa thực hiện scan dữ liệu hồ sơ, lưu trữ hồ sơ điện tử và Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn |
| B3 | **Phân công thụ lý hồ sơ** | Lãnh đạo Phòng chuyên môn | 0,25 ngày làm việc | Theo mục I   * BM 01 | Lãnh đạo Phòng phân công công chức thụ lý hồ sơ |
| B4 | **Thẩm định hồ sơ, Đề xuất kết quả giải quyết TTHC** | Công chức thụ lý hồ sơ | 0,75  ngày làm việc | * Theo mục I * BM 01 * Hồ sơ trình * Dự thảo kết quả | Công chức thụ lý hồ sơ tiến hành xem xét, kiểm tra, thẩm định hồ sơ:  Hồ sơ đủ điều kiện: tham mưu tờ trình, giấy phép  Hồ sơ chưa đủ điều kiện: tham mưu văn bản trả lời nêu rõ lý do  Hoàn thiện hồ sơ, trình Lãnh đạo xem xét |
| B5 | **Xem xét, trình ký** | Lãnh đạo Phòng | 0,25 ngày làm việc | * Theo mục I * BM 01   Hồ sơ trình kèm Dự thảo kết quả giải quyết TTHC | Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ:  - Nếu đồng ý: ký nháy văn bản trình lãnh đạo Sở ký duyệt.  - Nếu không đồng ý: Chuyển lại Bước 4 |
| B6 | **Phê duyệt** | Lãnh đạo Chi cục | 0,25 ngày làm việc | * Theo mục I * BM 01   Hồ sơ trình kèm Dự thảo kết quả giải quyết TTHC | Lãnh đạo Chi cục xem xét hồ sơ:   * Nếu đồng ý: ký Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm. * Nếu không đồng ý: chuyển lại Bước 5 |
| B7 | **Ban hành văn bản** | Công chức thụ lý hồ sơ | 0,25 ngày làm việc | Hồ sơ đã được phê duyệt | Lấy số, đóng dấu, ban hành văn bản và chuyển Giấy chứng nhận cho Bộ phận một cửa |
| B8 | **Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi** | Bộ phận một cửa | Theo Giấy hẹn | Kết quả | - Trả kết quả cho Tổ chức/cá nhân.  -Lưu hồ sơ theo quy định |

**IV. BIỂU MẪU**

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã hiệu** | **Tên biểu mẫu** |
|  | BM 01 | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả |
|  | BM 02 | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ |
|  | BM 03 | Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ |
|  | BM 04 | Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm |
|  | BM 05 | Thông báo lý do không tiếp nhận hồ sơ |
|  | BM 06 | Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm |

**V. HỒ SƠ CẦN LƯU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã hiệu** | **Tên biểu mẫu** |
|  | BM 01 | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả |
|  | BM 02 | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ |
|  | BM 03 | Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ |
|  | - | Các thành phần hồ sơ (mục I) |
|  | BM 06 | Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm |

**VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ**

* Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2008);
* Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2008);
* Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa (có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo);
* Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2017);
* Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ quy định danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2009);
* Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đường sắt (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018);
* Thông tư số 09/2016/TT-BKHCN ngày 09 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016);
* Thông tư số 09/2018/TT-BKHCN ngày 01 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 09/2016/TT-BKHCN ngày 09 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2018).
* Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định 61/2018/NĐ-CP.

**BM 04**(Theo quy định Thông tư số 09/2016/TT-BKHCN ngày 09/6/2016)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM   
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
--------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP   
VẬN CHUYỂN HÀNG NGUY HIỂM**

Kính gửi: …………………………………………………

Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm: …

Địa chỉ:.……………

Điện thoại …………….…Fax …………….…………Email: …………….………

Giấy đăng ký doanh nghiệp số …….ngày...tháng … năm………, tại …….………

Họ tên người đại diện pháp luật …………….…………….….Chức danh …………

Chứng minh nhân dân /Hộ chiếu số: ….…………….…………….…………….……

Đơn vị cấp: …………….…………….……ngày cấp…………….…………….……….

Hộ khẩu thường trú…………….………….…………….…………….…………….…

Để vận chuyển hàng nguy hiểm, tổ chức/cá nhân...........*(ghi tên tổ chức, cá nhân)*đã được Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng cấp Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm số ... ngày... tháng... năm ... Hàng nguy hiểm đã được cấp Giấy phép vận chuyển, cụ thể:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên hàng nguy hiểm** | **Số UN** | **Loại nhóm hàng** | **Số hiệu nguy hiểm** | **Khối lượng vận chuyển (dự kiến)** |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |

Do .... *(ghi rõ lý do, ví dụ như: sơ suất đánh mất/bị thất lạc/bị hư hỏng...)*Giấyphép vận chuyển hàng nguy hiểm (bản gốc) đã được Quý Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng cấp nêu trên, *.... (tên tổ chức, cá nhân)...* đề nghị Quý Chi cục xem xét cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm nêu trên.

Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép vận chuyển bao gồm:

1.

2.

Tổ chức, cá nhân cam kết bảo đảm an toàn khi tham gia giao thông và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về vận chuyển hàng nguy hiểm, xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung nêu trên./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *………….., ngày …… tháng …… năm ……* **Đại diện tổ chức, cá nhân** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**BM 05**

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  **CHI CỤC TIÊU CHUẨN**  **ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TB-TĐC | *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm* |

**THÔNG BÁO**

**Về việc không tiếp nhận hồ sơ …**

Kính gửi: …………………………………………………….

Ngày … tháng … năm …, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có tiếp nhận hồ sơ … của … Căn cứ Thông tư số …, sau khi thẩm xét hồ sơ, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thông báo đến Quý doanh nghiệp hồ sơ … không được tiếp nhận.

Lý do: …

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị Quý doanh nghiệp liên hệ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Chi cục để được hướng dẫn cụ thể./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Bộ phận một cửa;  - Lưu: VT, A (3b). | **CHI CỤC TRƯỞNG** |

**BM 06**(Theo quy định Thông tư số 09/2016/TT-BKHCN ngày 09/6/2016)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH/THÀNH PHỐ … **CHI CỤC TIÊU CHUẨN  ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** | | Số ..../ GPVC - CCTĐC |  |     **GIẤY PHÉP VẬN CHUYỂN HÀNG NGUY HIỂM (....)**  ***1. Tên hàng nguy hiểm, nhóm hàng, mã UN:***  ***2. Tên, địa chỉ doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép vận chuyển:***  ***3. Tên chủ phương tiện:***  ***4. Tên phương tiện, biển kiểm soát, tải trọng:***  ***5. Tên người điều khiển phương tiện:***  ***6. Tên người áp tải:***  ***7. Khối lượng hàng hóa:***  ***8. Nơi đi, nơi đến:***  ***9. Thời hạn vận chuyển:***…..tháng, kể từ ngày ký (hoặc chuyến hàng...)     |  |  | | --- | --- | |  | **CHI CỤC TRƯỞNG** *(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)* | | *Vào sổ đăng ký số:  Ngày …….. tháng ……… năm………* |  | |  |  | |

***Ghi chú:***Giấy phép cấp cho loại hình vận tải nào thì ghi cụ thể loại hình đó (bằng phương tiện giao thông đường bộ/đường sắt/đường thủy nội địa; cấp lại)

- Mục 1, ghi đầy đủ tên hàng nguy hiểm được cấp giấy phép vận chuyển, trường hợp có nhiều chủng loại (tên) hàng nguy hiểm, thì nội dung này cần được xây dựng thành phụ lục đính kèm. Khi đó, nội dung ở Mục này sẽ ghi *“theo Phụ lục 1 kèm theo Giấy phép này”.*

- Trường hợp doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép vận chuyển cho nhiều phương tiện, nhiều người Điều khiển phương tiện và nhiều người áp tải thì các nội dung ở Mục 3, 4, 5, 6 của mẫu giấy phép vận chuyển cần được xây dựng thành phụ lục với các nội dung tương tự (tại Mục 4, 5, 6, 11, 12) quy định tại Mẫu 2. DMNHN-LT-PT- NĐKAT của Phụ lục Thông tư này. Khi đó, nội dung ở các Mục 3, 4, 5, 6 của Giấy phép vận chuyển sẽ ghi: “*theo Phụ lục 2 kèm theo Giấy phép này”.*

- Trường hợp doanh nghiệp có lịch trình vận chuyển đến nhiều địa Điểm khác nhau với khối lượng vận chuyển khác nhau thì các nội dung ở Mục 7, 8, 9 cần được xây dựng thành phụ lục với các nội dung tương tự (tại Mục 3, 7, 8, 9, 10) quy định tại Mẫu 2. DMNHN-LT-PT-NĐKAT của Phụ lục Thông tư này Khi đó, nội dung ở các Mục 7, 8, 9 của Giấy phép vận chuyển sẽ ghi: *“theo Phụ lục 3 kèm theo Giấy phép này”*

- Trường hợp cấp lại/cấp bổ sung ghi rõ: Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm (cấp lại/cấp bổ sung).

- Các Phụ lục của Giấy phép vận chuyển (nếu có) phải được đóng dấu treo và dấu giáp lai theo quy định.